

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi  
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (L).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Bình**

## QUY ĐỊNH

### Chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng chống thiên tai của Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn và trách nhiệm triển khai của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

#### Điều 2. Nguyên tắc chi hỗ trợ

Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước có cùng nội dung hỗ trợ. Trong trường hợp cùng một nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì đối tượng được lựa chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai

1. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều này cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp và khả năng của nguồn Quỹ.

**Điều 4. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

**Điều 5. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh**

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh, dùng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Nội dung chi khác phát sinh trong thực tế.

**Chương III  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ báo cáo quyết toán Quỹ cấp tỉnh do Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh lập và các hồ sơ, chứng từ liên quan, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán Quỹ cấp tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị: Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh được phân bổ theo đúng quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

## PHỤ LỤC

### NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Nội dung	ĐVT	Mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai</b>			
1.1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	đồng/người/lần	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	Áp dụng cả đối với hoạt động hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm trong giai đoạn phòng ngừa
1.2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/người/ngày	60.000	Thuốc y tế: 10.000 đ/người/ngày; nước uống: 10.000đ/người/ngày; thực phẩm: 40.000đ/người/ngày
1.3	Hỗ trợ cho lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai, lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai - tìm kiếm cứu nạn đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước			
-	Thời gian huy động từ 6 giờ sáng đến 22 giờ đêm	đồng/người/ngày	Hỗ trợ ngày công bằng 0,1 lần mức lương cơ sở	
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau	đồng/người/ngày	Hỗ trợ ngày công bằng 0,2 lần mức lương cơ sở	

STT	Nội dung	ĐVT	Mức chi	Ghi chú
<b>2</b>	<b>Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai</b>			
2.1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng)	người/tháng	15kg gạo	
2.2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/ đợt thiên tai	200.000	Nước uống: 50.000đ/người/đợt; Thuốc chữa bệnh: 50.000đ/người/đợt; Sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác: 100.000 đ/người/đợt
2.3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính)			
-	Hỗ trợ nhà bị đổ, sập trôi, hư hỏng do thiệt hại hoàn toàn hoặc bị phá hủy, hư hỏng trên 70% không thể khôi phục lại	đồng/nhà/hộ	40.000.000	
-	Hỗ trợ nhà ở di dời khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền	đồng/nhà/hộ	30.000.000	
-	Hỗ trợ sửa chữa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 50-70%) không ở được	đồng/nhà/hộ	20.000.000	Hộ nghèo và hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn hỗ trợ 100%; Hộ gia đình khác hỗ trợ 50% theo mức thiệt hại thực tế nhưng không quá mức quy định này
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 30-50%)	đồng/nhà/hộ	15.000.000	
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại một phần (bị hư hỏng dưới 30%)	đồng/nhà/hộ	10.000.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Mức chi	Ghi chú
2.4	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn, tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở	đồng/công trình	Tối đa 200.000.000	
2.5	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	Tối đa 3.000.000.000	
2.6	Hỗ trợ khẩn cấp xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	12.000.000	
2.7	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		Theo quy định hiện hành	
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai</b>			
3.1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (Xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa... tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng)	đồng/năm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm (cấp tỉnh, huyện, xã)	đồng/kế hoạch, phương án	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.3	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/đợt, lớp	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Mức chi</b>	<b>Ghi chú</b>
3.4	Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	đồng/cuộc diễn tập	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.5	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.6	Tập huấn và duy trì hoạt động lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/lớp	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.7	Lắp đặt các trạm quan trắc (mưa, mực nước...)	đồng/trạm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.8	Vận hành, duy trì các trạm đo mưa tự động	đồng/trạm/năm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.9	Kiểm định các trạm đo mưa tự động	đồng/trạm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	

STT	Nội dung	ĐVT	Mức chi	Ghi chú
3.10	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	đồng	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3.11	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
4	<b>Các nội dung chi khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, phát sinh thực tế trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b>	đồng	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	